TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2026
V/v ly hôn.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nguyên và ông Nguyễn Văn Hiển.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 2000 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1998 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, Công an tỉnh K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông T chung sống với nhau vào năm 2022, vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận cũ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 30/12/2022.

Vợ chồng có tìm hiểu trước khi kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, không có tiếng nói chung, chồng bà thường xuyên đánh đập, chửi bới bà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần

ngồi với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2024 đến nay, vợ chồng không sống chung với nhau, bà chuyển về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Nay, bà đã hết tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông T và bà Đỗ Thị Kim N là vợ chồng chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi, có tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (cũ), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 30/12/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà riêng của hai vợ chồng tại phường N, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến đầu năm 2024, vợ chồng không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Nay, ông đã hết tình cảm với bà N nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn. Hội đồng xét xử xác định

quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Bà N và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Đỗ Thị Kim N và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (cũ) (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 30/12/2022, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2024, vợ chồng không sống chung với nhau mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận mâu thuẫn nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông T không có con chung.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003887 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Đỗ Thị Kim N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND P. Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng